

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28/4/2023

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nguyên và bà Đinh Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q., sinh năm 2000;
HKTT: Thôn Ph.C, xã Q.V, huyện Ân.Th, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Thôn Ân.Đ, xã B.S, huyện Ân.Th, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Đào Văn M., sinh năm 1994;
HKTT: Thôn Ph.C, xã Q.V, huyện Ân.Th, tỉnh Hưng Yên.

Hiện cư trú và làm việc tại Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Đào Thị Minh Ch., sinh ngày 23/4/2017;

HKTT: Thôn Ph.C, xã Q.V, huyện Ân.Th, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Thôn Ân.Đ, xã B.S, huyện Ân.Th, tỉnh Hưng Yên.

4. Người làm chứng:

- Bà Trần Thị Kh., sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn Ph.C, xã Q.V, huyện Ân.Th, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Lê Thị H., sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn Ân.Đ, xã B.S, huyện Ân.Th, tỉnh Hưng Yên.

(Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai các đương sự trong quá trình tố tụng cùng các tài liệu trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q. trình bày:

Ngày 20/5/2019 chị kết hôn với anh Đào Văn M. người ở xã Q.V, huyện Ân.Th, tỉnh Hưng Yên. Anh, chị tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q.V. Tổ chức đám cưới xong chị về gia đình nhà

chồng ở ngay. Vợ chồng sống hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, anh M. chơi bời, sống không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến chị và anh M. thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Tháng 6 năm 2019, chị và anh M. đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan nhưng mỗi người làm việc tại một công ty và không chung sống cùng nhau. Năm 2022, chị về nước còn anh M. vẫn lao động tại Đài Loan. Chị và anh M. sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M..

Về con chung: Chị và anh M. có một con chung, cháu Đào Thị Minh Ch., sinh ngày 23/4/2017 đang ở với chị. Giải quyết ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M. cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Giữa chị và anh M. không có gì, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đào Văn M. trình bày lời khai qua Zolo: Anh đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan từ năm 2019 cho đến nay, hiện anh vẫn ở bên Đài Loan. Anh biết việc chị Q. xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Q. không còn, anh nhất trí giải quyết ly hôn.

Về con chung: Cháu Đào Thị Minh Ch., sinh ngày 23/4/2017 là con chung của anh và chị Q.. Nguyên vọng của anh muốn được nuôi cháu Ch., nhưng do hiện tại anh đang ở nước ngoài không trực tiếp nuôi cháu Ch. được, anh nhất trí để chị Q. tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng nông nghiệp: Anh và chị Q. không có gì, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh đang ở Đài Loan, không về Việt Nam được, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Anh ủy quyền cho mẹ anh bà Trần Thị Kh. nhận thay anh giấy tờ của Tòa án.

Người làm chứng:

- Bà Lê Thị H. trình bày: Bà là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị Q., mẹ vợ anh Đào Văn M.. Hiện anh M. đang lao động bên Đài Loan. Chị Q. và anh M. tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q.V, huyện A.Th ngày 20/5/2019. Cuối năm 2019, anh M. và chị Q. đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan và đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi chửi nhau. Gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị Q. xin ly hôn anh M., gia đình bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh M., chị Q. ly hôn để ổn định cuộc sống. Chị Q. và anh M. có 01 con chung là cháu Đào Thị Minh Ch., sinh ngày 23/4/2017, hiện cháu Ch. đang ở với chị Q. tại gia đình bà, khi ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Q. nuôi dưỡng cháu Ch., gia đình bà hỗ trợ cho chị Q. nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Ch.. Chị Q. và anh M. không liên quan gì về kinh tế với gia đình bà.

- Bà Trần Thị Kh. trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Đào Văn M., mẹ chồng chị Nguyễn Thị Q.. Anh M. và chị Q. tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q.V ngày 20/5/2019. Sau khi kết hôn chị Q. và anh M. sống tại gia đình bà. Năm 2019, chị Q. và anh M. đi lao động bên Đài Loan. Năm 2022, chị Q. về nước, anh M. vẫn ở Đài Loan. Quá trình anh M. chị Q. đi lao động bên Đài Loan

đã phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, mâu thuẫn về kinh tế. Anh M. có điện thoại về cho bà và qua Zalo Tòa án đã ghi lời khai của anh M. thể hiện rõ quan điểm anh M. và chị Q. sống không hạnh phúc, anh M. nhất trí ly hôn với chị Q.. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh M., chị Q.. Chị Q. và anh M. có 01 con chung là cháu Đào Thị Minh Ch., sinh ngày 23/4/2017 ở với chị Q., anh M. và chị Q. ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho chị Q. nuôi dưỡng. Chị Q. và anh M. không liên quan gì về kinh tế cũng như không có công sức gì đối với gia đình bà. Do anh M. ở nước ngoài, bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh M..

Ủy ban nhân dân xã Q.V cung cấp:

Chị Nguyễn Thị Q. và anh Đào Văn M. tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q.V vào ngày 20/5/2019, số 16/2019. Năm 2019 chị Q. và anh M. đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Ngày 04/9/2022 chị Q. về nước, anh M. vẫn lao động tại Đài Loan. Anh M., chị Q. có 01 con chung là cháu Đào Thị Minh Ch., sinh ngày 23/4/2017 đang ở với chị Q.. Chị Q. khởi kiện ly hôn anh M., địa phương đề nghị Tòa giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công An cung cấp: Trường hợp Đào Văn M. đã sử dụng hộ chiếu số C4771262 để xuất cảnh 3 lần, lần cuối xuất cảnh ngày 23/6/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt. Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng cũng như các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ, Tòa án đã thực hiện việc thông báo và tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đều đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q.. Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 73, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuyên xử, cho chị Nguyễn Thị Q. được ly hôn anh Đào Văn M.. Giao cho chị Nguyễn Thị Q. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đào Thị Minh Ch., sinh ngày 23/4/2017 cho đến khi cháu Ch. đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q. không yêu cầu anh M. cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại

phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Chị Q. và anh M. đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Ph.C, xã Q.V, huyện Ân.Th, tỉnh Hưng Yên, hiện anh M. đang sinh sống và lao động bên Đài loan. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Những người tham gia tố tụng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228, Điều 229 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Q. và anh M. được xác lập hợp pháp từ ngày 20/5/2019. Hai anh chị đều thừa nhận vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc, kết quả có con chung. Trong thời gian anh M., chị Q. cùng đi lao động bên Đài Loan đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, về làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không có sự tôn trọng lẫn nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Chị Q. và anh M. đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là không thể hàn gắn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Hai bên thực sự không còn quan tâm, chia sẻ, liên lạc với nhau, kinh tế độc lập, việc của ai người đó làm. Chị Q. xin ly hôn anh M., anh M. nhất trí giải quyết ly hôn. Do vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q. và anh M. đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q. được ly hôn với anh M. để hai anh chị sớm ổn định cuộc sống mới.

[2.2] Về con chung: Chị Q. và anh M. có 01 con chung là cháu Đào Thị Minh Ch., sinh ngày 23/4/2017, ở với chị Q.. Chị Q. xin được tiếp tục nuôi cháu Ch. cho đến khi cháu Ch. đủ 18 tuổi, chị Q. không yêu cầu anh M. cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M. có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung nhưng vì anh đang lao động bên Đài Loan không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung được. Mặt khác bà Trần Thị Kh., mẹ anh M. đề nghị Tòa án giao cháu Ch. cho chị Q. tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng con chung của chị Q. có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử giao cho chị Q. nuôi cháu Ch. và ghi nhận sự tự nguyện của chị Q. không yêu cầu anh M. cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M. có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Chị Q. và anh M. có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp các con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị Q. và anh M. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Q. phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 238 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 73, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q..

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q. được ly hôn anh Đào Văn M..

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Q. tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Đào Thị Minh Ch., sinh ngày 23/4/2017 cho đến khi cháu Ch. đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q. không yêu cầu anh M. cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M. có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, chị Q. và anh M. đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị Q. và anh M. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q. phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Q. đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000167 ngày 03/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị Nguyễn Thị Q. đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q. được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, anh Đào Văn M. được quyền kháng cáo trong thời hạn 1 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Q.V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Nga